

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P4+P5	7:25	7+13+2	0+0+0		1+13+8	0+0+0	
2		PPD+P10+P11	7:25	18+4+0	0+0+0		12+8+2	0+0+0	
3		VSP01+P2+TD5	7:25	4+8+10	0+0+0		0+6+14	0+0+0	
4		PPD+P1+CTK3	9:25	21+1+0	0+0+0		13+3+5	0+0+0	
5		RP3+P9	9:25	21+1	0+0		19+2	0+0	
6		PVD2	9:25	22	0		22	0	
7		PPD+P4+PVD2	11:25	11+10+1	0+0+0		2+13+1	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ PPD-P4



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2018	TO: TD2 - P4 - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHERBAKOV M	TD2	35-36	2	15	10	90	KHOAN	Russian
2	EREMENKO	TD2	38	1	5		85	D-HANH	Russian
3	BUI TIEN HUNG	TD2	41	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
4	BELKIN	TD2	39	1	5		98	D-HANH	Russian
5	IVANOV	TD2	34	1	5		94	D-HANH	Russian
6	LE TIEN DUNG	TD2	37	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
7	BUI THAI BAN	TD2	40	1	6		63	ANTOAN	Vietnamese
8	ANSEROV V.	P4				50	82	KH-THAC	Russian
9	ĐỖ MẠNH HUNG	P4					75	KHI	Vietnamese
10	IAKIMENKO V.A	P4	60-61	2	13		110	KHI	Russian
11	ZAGYDAEV V.E	P4	64	1	4		75	KHI	Russian
12	NGUYEN VAN NAM	P4	66	1	3		61	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HA	P4	62,65	2	5		69	KHI	Vietnamese
14	PHẠM QUỐC DUY	P4	67	1	3		63	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHÚC	P4	63	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	LE VAN HOAN	P4	69	1	3		68	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN MANH HUNG	P4	72	1	10		75	KHI	Vietnamese
18	VŨ HỒNG ĐIẾP	P4	68	1	4		45	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THE	P4	70	1	5		71	KHI	Vietnamese
20	TRAN BINH DUC	P4	71	1	5		68	KHI	Vietnamese
21	DƯƠNG CÔNG AN	P5	99	1	7	25	75	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO VĂN THĂNG	P5	39-40	2	7		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	8	45	575	10	1		
2	P4	13	13	59	932	50	13		
3	P5	2	3	14	130	25	8		
TOTAL		22	24	118	1.637	85	22		
WEIGHT KG				118	1.637	85			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2018	TO: PPD - P10 - P11	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - HTNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TAI	PPD	32	1	8		70	KHI	Vietnamese
2	OKOVANSEV G.P	PPD	34	1	11		115	KHI	Russian
3	DUONG CHI TUYEN	PPD	30	1	5		67	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NAM	PPD	35	1	4		78	KHI	Vietnamese
5	VO VAN QUYEN	PPD	39	1	3		68	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VIET DAI	PPD					73	KHI	Vietnamese
7	LE ĐỨC THẮNG	PPD	31	1	5		75	KHI	Vietnamese
8	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	40	1	5		67	KHI	Vietnamese
9	DO VAN TUAN	PPD	41	1	3		75	KHI	Vietnamese
10	TRAN XI PHAN	PPD	28	1	10		63	KHI	Vietnamese
11	TRAN DIEN	PPD	29	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	VU THANH TAM	PPD	25	1	4		76	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LIEN	PPD	27	1	6		84	ANTOAN	Vietnamese
14	DOAN VAN HUNG	PPD	23	1	4		67	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC ANH	PPD	24	1	4		67	ANTOAN	Vietnamese
16	TRAN DUY THONG	PPD	33	1	5		78	ANTOAN	Vietnamese
17	LE DUY AN	PPD	26	1	15		75	ANTOAN	Vietnamese
18	LY XUAN TRUNG	PPD	36-38	3	15		67	YTE	Vietnamese
19	PALENKOV	P10	05	1	6		100	D-HANH	Russian
20	NGUYEN QUANG HUY	P10	03	1	8	20	83	D-HANH	Vietnamese
21	TARGANOV	P10	06	1	7		90	D-HANH	Russian
22	NGUYEN XUAN THO	P10	04	1	5		89	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	19	112	1.330	0	12		
2	P10	4	4	26	362	20	8		
3	P11	0	0	0	0	48	2		
TOTAL		22	23	138	1.692	68	22		
WEIGHT KG				138	1.692	68			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2018	TO: VSP01 - P2 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

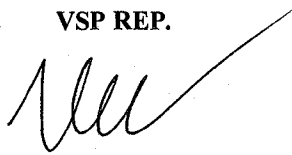
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PORTNOV	VSP01	81	1	5		75	D-HANH	Russian
2	BUI ANH SON	VSP01					60	D-HANH	Vietnamese
3	KRAMARENKO	VSP01	82	1	5		70	D-HANH	Russian
4	SABITOV A.A	VSP01					70	KH-THAC	Russian
5	FOK S.I	P2	02	1	6		130	KHOAN	Russian
6	KOROTKOV	P2	03	1	6		120	D-HANH	Russian
7	TRAN ANH TUAN	P2	07	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN BA CUONG	P2	01	1	3		80	D-HANH	Vietnamese
9	KAZIKOV	P2	06	1	8		105	D-HANH	Russian
10	NGUYEN QUANG DUNG	P2	04-05	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU TUYEN	P2	08-09	2	16		70	DVL	Vietnamese
12	DUONG TRUNG KIEN	P2	10	1	7		60	DVL	Vietnamese
13	TOIB R.R	TD5	42	1	5		95	KHOAN	Russian
14	ZHURBIN	TD5	43	1	7		92	KHOAN	Russian
15	MERVIN JOSEPH LOPEZ	TD5	44	1	10		102	KHOAN	Singapore
16	HUYNH XUAN SY	TD5	45	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN VAN DU	TD5	47	1	2		70	DVL	Vietnamese
18	TRAN VAN DUNG	TD5	48	1	7		78	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LINH	TD5	49	1	5		65	DVL	Vietnamese
20	DANG VIET CUONG	TD5	50	1	7	50	65	DVL	Vietnamese
21	PHAN NGOC TIEN	TD5	51	1	7		60	DVL	Vietnamese
22	KOSTIKIN	TD5	46	1	13		130	NIPI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	4	2	10	275	0	0		
2	P2	8	10	59	700	0	7		
3	TD5	10	10	68	837	50	14		
TOTAL		22	22	137	1.812	50	21		
WEIGHT KG				137	1.812	50			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

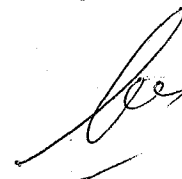
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2018	TO: PPD - P1 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	PPD	53	1	5	90	72	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	PPD	60	1	5	18	66	D-HANH	Vietnamese
3	QUẦN ĐỨC THANG	PPD	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG QUÂN	PPD	52	1	5		74	KHI	Vietnamese
5	BESPALOV	PPD	51	1	5		85	NIPI	Russian
6	GALLIAMOV	PPD	58	1	7		74	KH-THAC	Russian
7	VŨ MẠNH ĐIẾP	PPD	61-62	2	12		67	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	48	1	7		72	KHI	Vietnamese
9	NGO SỸ THANH	PPD	49	1	2		88	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	46	1	3		65	KHI	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	45	1	5		55	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	43	1	4		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	54	1	9		75	KHI	Vietnamese
14	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	44	1	5		69	KHI	Vietnamese
15	VŨ VĂN SÔNG	PPD	42	1	3		72	KHI	Vietnamese
16	NGO XUÂN HƯƠNG	PPD	57	1	4		73	KHI	Vietnamese
17	LÊ TRUNG LÂN	PPD	59	1	4		82	KHI	Vietnamese
18	LÊ HUY VINH	PPD	47	1	4		63	KHI	Vietnamese
19	LÊ ĐẶC HUY	PPD	69-70	2	13		67	KHI	Vietnamese
20	TRẦN QUYẾT TIẾN	PPD	56	1	5		69	KHI	Vietnamese
21	ĐO XUÂN LỢI	PPD	55	1	5		79	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN HAI ĐĂNG	P1	82	1	11	30	80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	23	117	1.502	108	13		
2	P1	1	1	11	80	30	3		
3	CTK3	0	0	0	0	30	6		
TOTAL		22	24	128	1.582	168	22		
WEIGHT KG				128	1.582	168			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2018	TO: RP3 - P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Toan	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IREK VALEEV	RP3	04	1	5		83	KH-THAC	Russian
2	PEVIAKIN V.N	RP3	03	1	5		101	KHI	Russian
3	HA VAN THUY	RP3	09	1	5		73	KHI	Vietnamese
4	LE NHU NGUYEN	RP3	06-07	2	10	25	61	KHI	Vietnamese
5	VO DON LONG	RP3	11	1	8	25	70	KHI	Vietnamese
6	PHAM QUOC KHANH	RP3					81	KHI	Vietnamese
7	HOANG VAN HAI	RP3	12	1	5		68	KHI	Vietnamese
8	PALYSEV V.A	RP3	05	1	6		75	KHI	Russian
9	NGO THANH LAM	RP3	01	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VIET KY	RP3	10	1	5		68	KHI	Vietnamese
11	NGO NGOC HAN	RP3	02	1	5		60	KHI	Vietnamese
12	PHAM HONG LINH	RP3	08	1	4		74	KHI	Vietnamese
13	TRAN VUONG HUNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
14	PHAM TUAN ANH	RP3	25	1	12		78	KHI	Vietnamese
15	TRAN VAN NGOC	RP3	24	1	5		71	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN KIEN	RP3	13-15	3	19		72	KHI	Vietnamese
17	ĐINH PHU QUYET	RP3					62	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG THI	RP3	16-18	3	20		68	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN PHI NAM	RP3	19-20	2	4		55	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN ĐỨC HOA	RP3	21	1	4		70	KHI	Vietnamese
21	PHAM HUU HIEU	P9	75	1	4	55	65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	23	127	1.440	50	19		
2	P9	1	1	4	65	55	2		
TOTAL		21	24	131	1.505	105	21		
WEIGHT KG				131	1.505	105			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2018	TO: PVD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - HTNam	ETA: 11:20
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGHIEM VU DAT	PVD2	12	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN HOANG VU	PVD2	17	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN NGOC THUY	PVD2	21	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
4	KHUONG VAN CHUC	PVD2	22	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
5	DOI DUY DUONG	PVD2	14	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG NGOC QUAN	PVD2	09-10	2	12		76	KHOAN	Vietnamese
7	LE TIEN DUONG	PVD2	11	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
8	LE THANH BINH	PVD2	30	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN ANH	PVD2	27	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN TIEN	PVD2	23	1	5	3	65	KHOAN	Vietnamese
11	LE VIET THUC	PVD2	26	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LUC	PVD2	15	1	7		54	KHOAN	Vietnamese
13	TU DUONG VAN	PVD2	16	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN DUC TIEN	PVD2	24	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TAN VUONG	PVD2	28	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
16	VU XUAN TIEN	PVD2	32	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN THE DANG	PVD2	18	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DANG TICH	PVD2	29	1	9		58	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN BINH MINH	PVD2	31	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TAN	PVD2	19-20	2	12		59	KHOAN	Vietnamese
21	DUONG THAI SON	PVD2	25	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU VIET	PVD2	13	1	15		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	24	158	1.528	3	22		
TOTAL		22	24	158	1.528	3	22		
WEIGHT KG				158	1.528	3			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2018	TO: PPD - P4 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Phong - KHOAN - HIẾU	ETA: 13:10
CAM-3			

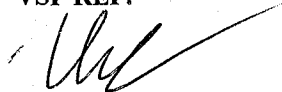
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	PPD	72	1	6		82	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN TÀI ĐẠI	PPD	74-75	2	9		72	KHI	Vietnamese
3	PHẠM VĂN NHẬT	PPD	73	1	10		62	KHI	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC ANH	PPD	80-82	3	17	35	80	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TRÁ	PPD	83	1	5		66	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HÙNG	PPD	85-86	2	12		70	KHI	Vietnamese
7	HUYNH VĂN QUYNH CHUNG	PPD	84	1	5		80	KHI	Vietnamese
8	HUYNH TÂN THỌ	PPD	78-79	2	8	45	65	KHI	Vietnamese
9	PHẠM CÔNG THỌ	PPD	76	1	11		60	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN TEO	PPD	71	1	3		50	PSV	Vietnamese
11	LÊ LAN PHƯƠNG	PPD	77	1	3		60	PSV	Vietnamese
12	VU TRỌNG CƯỜNG	P4	81	1	5		60	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	78	1	5		74	KHI	Vietnamese
14	LÊ VĂN MẠNH	P4					60	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN LÊ HUY	P4	82	1	5		60	KHI	Vietnamese
16	LƯU QUỐC NHẬT	P4	83-84	2	8		70	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG THẮNG	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC TRUNG	P4	79	1	7		60	PVE	Vietnamese
19	PHAN VĂN THỊNH	P4	77	1	3		70	NIPI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NGHỊ	P4	80	1	2		70	PSV	Vietnamese
21	ĐO THANH HẢI	P4	76	1	7		100	PVE	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG	PVD2	34	1	12		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	16	89	747	80	2		
2	P4	10	9	42	694	0	13		
3	PVD2	1	1	12	60	0	1		
TOTAL		22	26	143	1.501	80	16		
WEIGHT KG				143	1.501	80			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TD5+CLO	7:25	1+0+12	0+0+0		0+2+19	0+0+0	CHUYỂN 6 PAX TỪ TD2-TD5
2		VSP01+P6	7:25	14+8	0+0		11+11	0+0	CHUYỂN 3 PAX TỪ VSP01-P6
3		BK8+CTK3+TD1	7:25	7+1+13	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
4		RC4+RCDM+AMD	7:25	5+0+17	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
5		P6	9:25	22	0		22	0	
6		VSP01	9:25	22	0		22	0	
7		AMD+TTC1+PPD	9:25	16+5+0	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
8		TTC2+TTC3+P8	9:25	7+4+11	0+0+0		5+5+12	0+0+0	
9		P8+P4+BK14	11:25	19+1+0	0+0+0		14+5+2	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2018	TO: TD2 - TD5 - CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - HTNam	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	43	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	SUKHOMLIN I.N	CLO	73	1	6		120	KHOAN	Russian
3	TRẦN NGỌC AN	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN QUYNH	CLO	79-80	2	9		75	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	74	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN THẾ NHƯ	CLO	76	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HỘI	CLO	82	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM QUANG ANH	CLO	83	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	81	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	CLO	84	1	7	105	74	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG THANH MINH	CLO	75	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TUÂN VIỆT	CLO	87	1	12		86	ĐĂNG KIỂM	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐÌNH DŨNG	CLO	78	1	5		74	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KHOA	CLO	77	1	4		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	1	1	5	70	0	0	6	CHUYỂN 06 PAX TỪ TD2 SANG TD5
2	TD5	0	0	0	0	30	2		
3	CLO	13	13	75	970	105	19		
TOTAL		14	14	80	1.040	135	21		
WEIGHT KG				80	1.040	135			

GRAND TOAL: 1.255 KGS

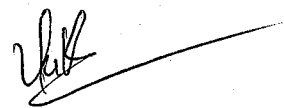
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2018	TO: VSP01 - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - ATUẤN - Trường	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROMANOV	VSP01	98	1	8		90	KH-THAC	Russian
2	TRUBOSKIN A.A	VSP01	96	1	12		85	KH-THAC	Russian
3	BORVINSKI A.A	VSP01	97	1	15		90	KH-THAC	Russian
4	HOANG PHUC LUONG	VSP01				40	76	KH-THAC	Vietnamese
5	VU QUANG THANH	VSP01	94	1	5		70	YTE	Vietnamese
6	TO QUOC THINH	VSP01	88	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN LINH	VSP01	89	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN DUC	VSP01	84-85	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VAN SON	VSP01	86	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN CHAU	VSP01	83	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC BE	VSP01	87	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VAN TRUONG	VSP01	95	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VINH QUANG	P6	79	1	5		71	YTE	Vietnamese
16	KIRICHENKO S.P	P6	81	1	6		75	KH-THAC	Russian
17	KOROGHLUYEV R.G	P6	85	1	5	70	72	KH-THAC	Russian
18	VU VAN HOAN	P6	80	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG VAN CUONG	P6	91	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHUONG VAN MINH	P6	83-84	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU NHAN	P6	82	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	14	13	89	988	40	11+3		CHUYEN 03 PAX TU VSP01 SANG P6
2	P6	8	9	43	578	70	11		
TOTAL		22	22	132	1.566	110	22		
WEIGHT KG				132	1.566	110			

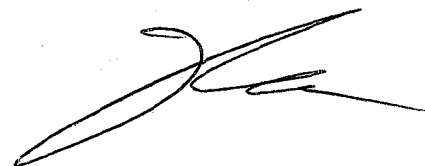
GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2018	TO: BK8 - CTK3 - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - Hồi - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN KIM THÔNG	BK8	44-45	2	20	20	54	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ NGỌC TUÂN	BK8	43	1	9		76	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN KHA	BK8	57	1	10	17	71	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÌNH QUANG DŨNG	BK8	54-55	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI VĂN THOẠI	BK8	46,200	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ TRỌNG HUNG	BK8	52-53	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU NHÂN	BK8	56	1	6		71	PSV	Vietnamese
8	ĐINH HỒNG THANG	CTK3				40	65	SAN BAY	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HIẾU	TD1	57	1	3	30	68	KHOAN	Vietnamese
10	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	54	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
11	MIKHAIL KHROKHALEV	TD1	45	1	5		91	KHOAN	Russian
12	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	48-49	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH LINH	TD1	60	1	7		95	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	55	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NGỌC SƠN	TD1	56	1	3		45	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH ĐOÀN	TD1	52	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	50	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
18	HỒ VĂN HẬU	TD1	51	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN THIÊN TUÂN	TD1	46	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
20	ĐO MINH DŨNG	TD1	47	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG TUAN ANH	TD1	53	1	6		73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	7	11	105	482	37	0		
2	CTK3	1	0	0	65	40	4		
3	TD1	13	14	77	895	30	18		
TOTAL		21	25	182	1.442	107	22		
WEIGHT KG				182	1.442	107			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

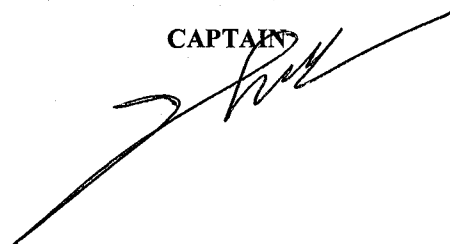
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2018	TO: RC4 - RCDM - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - PTUẤN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MINH ĐỨC	RC4	40-41	2	18		89	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHỊ	RC4	39	1	10	30	70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHANH	RC4	42-43	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN TIỆP	RC4	44	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HA VAN CANH	RC4	51	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
6	CECIL DUNCAN VAUGHAN	AMD	03-04	2	15		82	KH-THAC	S.African
7	LE HUY HOANG	AMD	21	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DAI NGHIA	AMD	23-24	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN THAO	AMD	20	1	15		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRINH BICH NGOC	AMD	05-08	4	18		69	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG CHI PHONG	AMD	18	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM TUAN HA	AMD	17	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC THACH	AMD	22	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	09	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
15	LE ANH MINH	AMD	15	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU QUY ĐON	AMD	19	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ PHÔNG VIÊN (PVDT)	AMD	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN QUANG	AMD	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẠO CÔNG BÌNH	AMD	10	1	6	50	70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	AMD	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÀ NGỌC MẠNH (PVDT)	AMD	12	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VAN SAU	AMD	11	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	5	7	63	376	30	0		
2	RCDM	0	0	0	0	20	3		
3	AMD	17	22	135	1.163	50	19		
TOTAL		22	29	198	1.539	100	22		
WEIGHT KG				198	1.539	100			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2018	TO: P6	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - HTNam	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHẬT THÀNH	P6	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	HA DUY ĐỒNG	P6	44	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TUNG	P6	42	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG ĐÌNH HOÀ	P6	72	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC AN	P6	92	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI TRONG BÌNH	P6	43	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN BAO TOÀN	P6	39	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG MINH	P6					76	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG HUY	P6	37	1	13		67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	58	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TIEN DUNG	P6	38	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THUỜNG	P6	40	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN KHANH	P6	41	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VĂN ĐẠT	P6	70-71	2	15	20	73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH CƯỜNG	P6	94	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM ĐÌNH TUÂN	P6	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ BA HÒA	P6	96	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN TÀI	P6	95	1	4		76	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC DOANH	P6	68	1	3		76	GETRACO	Vietnamese
20	LE VAN HAN	P6	67	1	4	25	62	GETRACO	Vietnamese
21	VU MẠNH THẮNG	P6	69	1	7		68	GETRACO	Vietnamese
22	TRẦN QUANG UY	P6	93	1	5		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

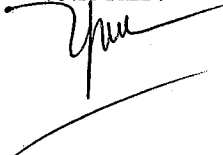
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	22	132	1.542	45	22		
	TOTAL	22	22	132	1.542	45	22		
	WEIGHT KG			132	1.542	45			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2018	TO: VSP01	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - Trường	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN THỦY	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG THỨC	VSP01	19	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TOÀN	VSP01	88	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	99	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ HUNG DUNG	VSP01	90	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH TUẤN	VSP01	86	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ SỸ KHOI	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THANH	VSP01	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH HÀ	VSP01					65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH TUẤN	VSP01	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THUY	VSP01	82	1	5	25	64	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH TÂN DUNG	VSP01	76-77	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
14	GIA QUANG CUONG	VSP01	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN THANH LỢI	VSP01	700	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRINH TIEN BINH	VSP01	80	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ QUANG HUY	VSP01	84-85	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VAN HUY	VSP01	83	1	5		60	ANTOAN	Vietnamese
20	ĐOÀN TIEN LƯU	VSP01	92	1	5		65	NIPI	Vietnamese
21	NGUYỄN HUU NHAN	VSP01	94	1	5		70	NIPI	Vietnamese
22	LUONG MẠNH HUONG	VSP01	78	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	21	119	1.562	45	22		
	TOTAL	22	21	119	1.562	45	22		
	WEIGHT KG			119	1.562	45			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2018	TO: AMD - TTC1 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - THỤ	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHÁC CHÍNH	AMD	38	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THUY (PVDT)	AMD	45	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VĂN TU	AMD	48	1	12		61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	AMD	36-37	2	16		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	43	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	42	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VIỆT THĂNG	AMD	40-41	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TUẤN ANH	AMD	47	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU ĐỨC CHI	AMD	49	1	6	40	68	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH TUNG	AMD	46	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	35	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	44	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH NHƯT	AMD	28-30	3	17		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO THẾ DƯƠNG	AMD	32-34	3	11		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HẢI NAM	AMD	31	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TUẤN	AMD	39	1	4		81	PSV	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG HIỆU	TTC1	98	1	6	45	69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN LINH HOẠT	TTC1	96	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN SƠN TÙNG	TTC1					75	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI MẠNH CUÔNG	TTC1	97	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1					71	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	16	22	135	1.105	40	12		
2	TTC1	5	3	14	354	45	5		
3	PPD	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		21	25	149	1.459	105	22		
WEIGHT KG				149	1.459	105			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2018	TO: TTC2 - TTC3 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - PTUẤN	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	78	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TTC2	81	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ PHƯƠNG	TTC2	83	1	4	30	52	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU VĂN AN	TTC2	82	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
5	LY THANH CHUÔNG	TTC2	79	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC TUÂN	TTC2	80	1	4		75	PSV	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LÊ	TTC3	38	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	34	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC3	32-33	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TÂN	TTC3	37	1	6	50	70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG KIẾN	TTC3	39	1	5		68	PSV	Vietnamese
12	PHẠM PHƯƠNG NAM	P8	42	1	6		53	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	48	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	P8	41	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐỒNG	P8	43	1	10		80	YTE	Vietnamese
16	LAZAREV A.V	P8	25	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN KIM CUÔNG	P8	49	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NHAN	P8	40	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
19	PHÙNG HÀ TÀI	P8	50	1	6	104	103	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO TIẾN ĐẠT	P8	45-46	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TẠNH	P8	77	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
22	THAI QUAN	P8	47	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	6	6	32	397	30	5		
2	TTC3	5	6	32	342	50	5		
3	P8	11	12	75	792	104	12		
TOTAL		22	24	139	1.531	184	22		
WEIGHT KG				139	1.531	184			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/10/2018	TO: P8 - P4 - BK14	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - Trường	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH NAM	P8	88	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG TRI NAM	P8					80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGUYEN NHAT LINH	P8					78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUANG HUY	P8	87	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VINH DUNG	P8	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIEN VU	P8	94	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRI HUNG	P8	73	1	5	32	70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BA HOANG	P8				55	64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO NGUYỄN HUNG	P8					60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN MINH	P8	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN BUI TOÀN	P8	47	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
12	NG. DUY TUẤN	P8	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI QUÂN	P8	72	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
14	CAO QUANG HUNG	P8	89	1	10		105	CODIEN	Vietnamese
15	TẠ QUỐC CHÍNH	P8	90-91	2	17		82	XAYLAP	Vietnamese
16	DƯƠNG TUẤN VIỆT	P8	300	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
17	HA HUU THAI	P8	92-93	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC CHÍN	P8	48-49	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HIẾU	P8	50	1	5		56	PSV	Vietnamese
20	PHAM VAN NGOC	P4	85-86	2	10		50	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	19	18	132	1.339	87	14		
2	P4	1	2	10	50	0	5		
3	BK14	0	0	0	0	18	2		
TOTAL		20	20	142	1.389	105	21		
WEIGHT KG				142	1.389	105			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2 CLO+P2+TD5	7:25	16+6+0	0+0+0		14+0+8	0+0+0	
2		TD1+JS2+P6	7:25	14+8+0	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
3		GTC1+RP1+CLO	9:25	8+11+2	0+0+0		8+0+14	0+0+0	
4		JS2+VSP01+P1	9:25	19+1+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
5		P5 P5+P4+JS2	11:25	1+0+15	0+0+0		0+5+15	0+0+0	
6		CTK3+P2+TD2	11:25	9+0+13	0+0+0		0+8+14	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
2 NGUOI P2 ĐI VỀ TRONG NGÀY ; 4 NGUOI ĐI TD3 QUA ĐIỂM P2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/10/2018	TO: CLO - PPD - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Toan -	ETA: 09:10
XANH-1		MQUAN	

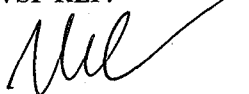
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU DUNG	CLO	30	1	7	90	66	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN DUC TRUNG	CLO	31	1	10	35	76	D-HANH	Vietnamese
3	BUI DUC LUAN	CLO	19	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
4	DO NGOC HOAN	CLO	26-27	2	11		86	KHOAN	Vietnamese
5	ANDRIUSHENKO	CLO	32	1	2		122	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN SAU	CLO	29	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN DUC HOANG	CLO	24	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN TRUNG	CLO	17	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DUY NAM	CLO	21	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN VINH	CLO	25	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	DAU VAN MINH	CLO	22	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN LY	CLO	18	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	VO VAN HUNG	CLO	20	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUANG HUY	CLO	23	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	DO THANH LIEM	CLO	28	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN TAN	PPD	04	1	2		75	D-HANH	Vietnamese
17	TA QUANG HUY	PPD					78	D-HANH	Vietnamese
18	DO MANH HA	PPD					65	KHOAN	Vietnamese
19	THAI KHAC QUY	PPD					71	D-HANH	Vietnamese
20	LE NHAT TUAN	PPD	02	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
21	ROZGON	PPD	01	1	5		95	D-HANH	Russian
22	VU VAN SON	PPD	03	1	10		60	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

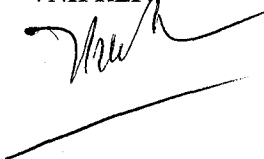
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	15	16	81	1.142	125	14		
2	PPD	7	4	21	514	0	0		
3	TD5	0	0	0	0	18	8		
TOTAL		22	20	102	1.656	143	22		
WEIGHT KG				102	1.656	143			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

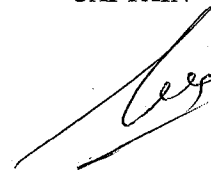
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2018	TO: TD1 - JS2 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Thanh - Vận - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH THUY	TD1					60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUNG*KT	TD1	63	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC QUANG	TD1	74	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN NHU BANG	TD1	65	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN NGUYEN	TD1	68	1	5	25	55	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN MINH SON	TD1	62	1	5	35	70	KHOAN	Vietnamese
7	VU MANH HAI	TD1	66-67	2	8		82	KHOAN	Vietnamese
8	BUI VAN NINH	TD1	64	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN BAO	TD1	69	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUANG HUNG	TD1	72	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	HO MINH TRINH	TD1	75	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
12	LE HUU HUNG	TD1	71	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
13	VU DINH PHONG	TD1	70	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH LUAN	TD1	61	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGO VIET PHUONG	JS2	82	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
16	SADOVNICHENKO	JS2	84	1	10		90	KHOAN	Russian
17	CLIFFORD FERNANDES ARCANJO	JS2	92-93	2	17		87	KHOAN	Indian
18	NARENDRASINH PARIHAR	JS2	94-95	2	17		100	KHOAN	Indian
19	FERRY KURNIAWAN	JS2	90-91	2	10	35	75	KHOAN	Indonesian
20	DCUNHA DAMIAN JOSHEPH	JS2	96-98	3	17		90	KHOAN	Australian
21	PARK JEROME WILFRED BRISTBANE	JS2	88-89	2	12		105	KHOAN	Indian
22	AULIA LUTHFIANSYAH	JS2	86-87	2	15		65	KHOAN	Indonesian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	14	73	956	60	13		
2	JS2	8	15	103	697	35	5		
3	P6	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	29	176	1.653	95	22		
WEIGHT KG				176	1.653	95			

GRAND TOAL: 1.924 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/10/2018	TO: GTC1 - RP1 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Toan -	ETA: 11:20
XANH-2		MQUAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY PHUONG	GTC1	25	1	15	15	51	XAYLAP	Vietnamese
2	VU VAN BAN	GTC1	24	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TUAN	GTC1	33	1	6		71	XAYLAP	Vietnamese
4	TRUONG THE HUY	GTC1	31-32	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TAN	GTC1	23	1	17		55	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN DUC HOAI	GTC1	26	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM VIET HUNG	GTC1	36-37	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN PHUC NGUYEN	GTC1	34-35	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN MINH THANG	RP1	83-88	2	18	10	66	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM VAN CHINH	RP1	81	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NAM	RP1	78-79	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN THANH TUNG	RP1	93	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN KHAC SAU	RP1	76	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI VAN THINH	RP1	80	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
15	LE ANH TUAN	RP1	89-90	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG NGOC HA	RP1	77	1	9		62	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN VAN HANH	RP1	91-92	2	16		82	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN QUANG LUU	RP1	94	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG VAN NAM	RP1	82	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
20	CAO VAN VIET	CLO	88	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
21	MAI DAI HAI	CLO	90	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU LONG	CLO	89	1	8		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	8	11	106	519	15	8		
2	RP1	11	15	142	766	10	0		
3	CLO	3	3	22	206	0	14		
TOTAL		22	29	270	1.491	25	22		
WEIGHT KG				270	1.491	25			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2018	TO: JS2 - VSP01 - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Thanh - Vn - Vũ	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG HIEU	JS2	17	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DUY LINH	JS2	11-12	2	11		73	KHOAN	Vietnamese
3	VU VAN QUYEN	JS2	13	1	14		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN KHANH	JS2	15	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN THANG	JS2	16	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
6	LUU VAN LOI	JS2	26-27	2	17		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN KHUE	JS2	21	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG CONG THANG	JS2	22	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
9	HUYNH KIM TRI	JS2	31	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN VINH	JS2	30	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
11	DO VAN QUY	JS2	19	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	LE QUOC TRUNG	JS2	18	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THOM	JS2	24	1	4		50	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN DUC CUONG	JS2	23	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
16	BUI NGOC TU	JS2	29	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN VAN TRINH	JS2	20	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN VAN KHOA	JS2	14	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DINH CHUNG	JS2	25	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TIEN	VSP01	02-03	2	17		87	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	19	21	130	1.259	0	18		
2	VSP01	1	2	17	87	45	0		
3	P1	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		20	23	147	1.346	85	22		
WEIGHT KG				147	1.346	85			

GRAND TOAL: 85 1.493 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/10/2018	TO: P4 - JS2	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Toan	ETA: 13:30
XANH-3			

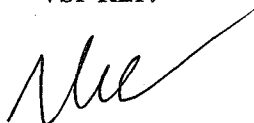
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN SANG	JS2	37	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
2	DO VAN HUNG	JS2	36	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN ANH TUAN	JS2	35	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN DUY SON	JS2	40	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MEN	JS2	45-46	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
6	LUONG NGOC HOANG	JS2	42	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
7	BUI BACH DUONG	JS2	43	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN Y	JS2	47	1	13	43	79	KHOAN	Vietnamese
9	MESHKOV M.Y	JS2	48	1	10		80	KHOAN	Russian
10	DO NGOC DUYEN	JS2	38-39	2	17		78	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN NAM	JS2	34	1	12		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN NGOC	JS2	44	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TU DO	JS2	49	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CONG TAM	JS2	41	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG TRUNG KIEN	JS2	32-33	2	14		69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	0	0	0	0	70	5		
2	JS2	15	18	148	1.037	43	15		
TOTAL		15	18	148	1.037	113	20		
WEIGHT KG				148	1.037	113			

GRAND TOAL: 1.298 KGS

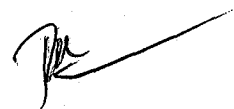
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/10/2018	TO: CTK3 - P2 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - Vũ	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN SY MY	CTK3	44	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN DUNG	CTK3	37-38	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VĂN HỘI	CTK3	47-48	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
4	VÔ TÁ HÙNG	CTK3	45-46	2	15	20	68	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN VIỆT	CTK3	39-40	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VIỆT HUU	CTK3	34	1	9		56	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI ĐÌNH PHI	CTK3	43	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
8	TÀ VĂN CUÔNG	CTK3	32-33	2	12		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	CTK3	41-42	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM NGOC NAM	CTK3	35-36	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HAI	TD2	07	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	DOROSHENKO M.K	TD2	10	1	6	45	95	KHOAN	Russian
13	LÊ MINH ĐỨC*TT	TD2	08	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN KHAI	TD2	06	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	03	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
16	HÀ VĂN LINH	TD2	09	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC THÀNH	TD2	04	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ THẬP TOÀN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÌNH VĂN TÀI	TD2	05	1	4		50	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	02	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TỰ	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	01	1	5		60	NHA THAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	17	144	654	20	0		
2	P2	0	0	0	0	35	8		
3	TD2	12	10	49	862	45	14		
TOTAL		22	27	193	1.516	100	22		
WEIGHT KG				193	1.516	100			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN